

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
Số: 29/2002/QĐ-BGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Về việc ban hành Quy chế kiểm tra, thi, xét lên lớp và công nhận tốt nghiệp
Trung học chuyên nghiệp hệ chính quy

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định 43/2000 NĐ-CP ngày 30/8/2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, thi, xét lên lớp và công nhận tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hệ chính quy.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 193/QĐ/TH-DN ngày 3 tháng 2 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra, xét lên lớp, xét tốt nghiệp trong các trường, lớp Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề (hệ dài hạn tập trung) và Quyết định số 14/1998/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 3 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế bổ sung cho Quy chế trên.

Ông Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Điều 3: Các Ông (bà) Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan quản lý trường, Hiệu trưởng

các trường Trung học chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo Trung học chuyên nghiệp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

QUY CHẾ KIỂM TRA, THI, XÉT LÊN LỚP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành theo Quyết định số 29/2002/QĐ-BGD&ĐT

ngày 14 tháng 5 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế kiểm tra, thi, xét lên lớp và công nhận tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hệ chính quy là văn bản quy định về việc tổ chức và đánh giá kết quả đào tạo theo Chương trình Khung Giáo dục trung học chuyên nghiệp.

Quy chế này áp dụng cho tất cả các trường trung học chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo trung học chuyên nghiệp (bao gồm các loại hình công lập, bán công, dân lập và tư thục) trong cả nước.

Điều 2. Các môn học trong chương trình giáo dục được xây dựng trên cơ sở Chương trình Khung Giáo dục trung học chuyên nghiệp và Chương trình Khung trung học chuyên nghiệp ngành, chia làm hai loại: các môn thi và các môn kiểm tra (các môn không thi mà chỉ kiểm tra hết môn).

Tất cả các môn học trong từng học kỳ đều là môn thi hoặc môn kiểm tra.

1. Môn thi là môn học cơ bản và gắn với ngành nghề đào tạo. Số môn thi trong một khóa học phải bố trí từ 60% đến 75% tổng số các môn học trong tất cả các học kỳ của toàn khóa. Mỗi học kỳ bố trí từ 3 đến 5 môn thi, môn kiểm tra là các môn học còn lại.

2. Các đợt thực tập, thực tập kết hợp với sản xuất, được tính như các môn thi hay môn kiểm tra và do hiệu trưởng quyết định trên cơ sở nội dung, tính chất công việc.

3. Các môn thi tốt nghiệp phải được xác định từ trước trong chương trình đào tạo toàn khóa và thông báo để học sinh biết, khi bắt đầu vào khóa học.

Điều 3. Tất cả các môn học trong từng học kỳ đều phải có hệ số môn học (HSMH). HSMH được xác định như sau:

1. Đối với các môn lý thuyết thì lấy số tiết học của môn đó trong học kỳ chia cho 15 tiết và qui tròn phần thập phân để HSMH là số nguyên.

2. Đối với các môn thực hành thì lấy số giờ thực hành của môn học đó trong học kỳ chia cho 45 giờ và qui tròn phần thập phân để HSMH là số nguyên.

Nếu môn thực hành có tầm quan trọng đặc biệt đối với ngành đào tạo thì lấy số giờ thực hành của môn học đó trong học kỳ chia cho 30 giờ hoặc chia cho 15 giờ (do Hiệu trưởng quyết định) và qui tròn phân thập phân để HSMH là số nguyên.

3. Đối với các môn học có cả lý thuyết và thực hành thì tính riêng từng phần theo qui định trên rồi cộng lại và qui tròn phân thập phân để HSMH là số nguyên.

Điều 4. Các điểm kiểm tra, điểm thi đều được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10 (không có phân thập phân).

Trong trường hợp môn học gồm hai phần: lý thuyết và thực hành thì phải qui định điểm thi hoặc kiểm tra tối đa của từng phần sao cho tổng điểm lý thuyết và thực hành tối đa là 10. Nếu mỗi phần đều chấm theo thang điểm từ 0 đến 10 thì phải qui định hệ số điểm cho từng phần, lấy trung bình cộng các điểm từng phần theo hệ số rồi qui tròn phân thập phân để điểm môn học là số nguyên.

Nếu một môn học do yêu cầu đào tạo cần chấm theo thang điểm khác thang điểm từ 0 đến 10 thì sau khi chấm phải qui đổi về thang điểm từ 0 đến 10, theo qui định qui đổi được xác định từ trước khi chấm thi và do Hiệu trưởng quyết định.

Điểm thi tốt nghiệp chấm theo thang điểm từ 0 đến 10, nhưng các ý nhỏ được chấm điểm lẻ đến 0,25 điểm. Nếu điểm toàn bài có điểm lẻ là 0,25 thì qui tròn thành 0,5, có điểm lẻ là 0,75 thì qui tròn là 1,0.

Điều 5. Tất cả các môn học trong từng học kỳ đều phải được đánh giá cho điểm gồm 3 loại: Điểm kiểm tra thường xuyên, Điểm kiểm tra định kỳ và Điểm kiểm tra hết môn học đối với môn kiểm tra hoặc Điểm thi môn học đối với môn thi theo các mức và hệ số như sau:

1. Kiểm tra thường xuyên là kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra viết từ 30 phút trở xuống, kiểm tra thực hành từng phần môn học. Hệ số điểm kiểm tra thường xuyên là 1 (HS1).

2. Kiểm tra định kỳ là kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của môn học (thời gian làm bài từ 45 phút đến 90 phút), kiểm tra thực tập môn học, kiểm tra bài tập thực hành của môn thực hành. Hệ số điểm kiểm tra định kỳ là 2 (HS2).

Trong một học kỳ, môn học có từ 45-75 tiết thì ít nhất phải có 3 điểm kiểm tra định kỳ cho mỗi học sinh, môn học có từ 76 tiết trở lên thì ít nhất phải có 5 điểm kiểm tra định kỳ cho mỗi học sinh. Môn học dưới 45 tiết phải có ít nhất 2 điểm kiểm tra định kỳ cho mỗi học sinh.

3. Kiểm tra hết môn học, chỉ áp dụng đối với môn kiểm tra sau khi kết thúc nội dung môn học trong học kỳ. Thời gian làm bài kiểm tra từ 60 phút đến 120 phút. Hệ số điểm kiểm tra hết môn học là 3 (HS3).

4. Thi môn học chỉ áp dụng đối với môn thi đã được xác định trong từng học kỳ, sau khi kết thúc nội dung môn học ở học kỳ đó.

Điều 6. Các bài thi môn học và bài thi tốt nghiệp (nếu là thi viết) của học sinh đều phải được rọc phách trước khi chấm như qui định trong thi tuyển sinh. Giấy làm bài theo mẫu giấy thi tuyển sinh hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thi vấn đáp và thi thực hành phải có mẫu phiếu chấm thi thống nhất cho từng hình thức thi, tương ứng với mỗi nội dung đánh giá, giáo viên phải ghi ý kiến nhận xét vào phiếu chấm thi. Hiệu trưởng qui định nội dung, hình thức các mẫu phiếu chấm thi và cách đánh giá của trường mình.

Điều 7. Sau mỗi học kỳ, tất cả các môn học đều phải có điểm tổng kết môn học (ĐTKMH). ĐTKMH được xác định như sau:

1. Đối với môn kiểm tra, ĐTKMH là trung bình cộng của tất cả các điểm kiểm tra theo hệ số của từng loại điểm.
2. Đối với môn thi, ĐTKMH là trung bình cộng của điểm thi và điểm trung bình của các điểm kiểm tra (Điểm trung bình các điểm kiểm tra là trung bình cộng của tất cả các điểm kiểm tra theo hệ số của từng loại điểm).
3. ĐTKMH được qui tròn đến chữ số thứ nhất trong phần thập phân.

Điều 8. Nội quy thi, kiểm tra và thi tốt nghiệp do Hiệu trưởng quy định cụ thể để áp dụng trong phạm vi trường mình nhằm đảm bảo tính nghiêm túc và công minh. Cán bộ, giáo viên coi thi và kiểm tra phải chấp hành đúng nội quy đồng thời có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn học sinh thực hiện đúng nội quy.

Học sinh vi phạm nội quy, tùy theo mức độ vi phạm, bị xử lý theo một trong các hình thức sau:

1. Khiển trách và cho tiếp tục làm bài nhưng trừ 25% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra.
2. Cảnh cáo và cho tiếp tục làm bài nhưng trừ 50% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra.
3. Đình chỉ thi hoặc kiểm tra hết môn học và cho điểm 0.
4. Đình chỉ thi hoặc kiểm tra hết môn học đối với môn học vi phạm nội quy và các môn học còn lại. Những môn học bị đình chỉ đều phải nhận điểm 0 làm kết quả thi hoặc kiểm tra.

Các mức độ vi phạm tương ứng với các hình thức xử lý trên phải được qui định cụ thể trong nội quy và phổ biến trước kỳ thi, kiểm tra. Các trường hợp vi phạm đều phải có biên bản, trong đó có chữ ký của cán bộ, giáo viên coi thi hoặc kiểm tra và học sinh vi phạm qui chế. Trong trường hợp học sinh không ký thì cán bộ, giáo viên coi thi đều phải ký và ghi rõ trong biên bản là học sinh không ký. Trường hợp đình chỉ, giám thị phải báo cáo kịp thời với Hội đồng thi để xem xét và quyết định hình thức xử lý.

Cán bộ, giáo viên vi phạm qui chế, nội quy của nhà trường, tùy theo mức độ sai phạm phải được xử lý theo các hình thức kỷ luật của nhà trường.

Điều 9. Những học sinh diện chính sách (là những học sinh thuộc các đối tượng ưu tiên 1 và ưu tiên 2 được qui định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành) được ưu tiên trong việc xét lên lớp và xét công nhận tốt

ng nghiệp theo qui định trong Quy chế này.

Chương II

TỔ CHỨC KIỂM TRA VÀ THI HỌC KỲ

Điều 10. Kế hoạch kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ do giáo viên môn học đảm nhiệm. Giáo viên môn học ra đề, chấm trực tiếp và lập bảng điểm để theo dõi.

Điều 11. Kế hoạch kiểm tra hết môn học do giáo viên môn học đề xuất và thông qua Trường khoa hoặc người được Hiệu trưởng uỷ quyền (nếu không có tổ chức khoa)

Đề kiểm tra, đáp án thang điểm do giáo viên môn học soạn và thông qua Trường khoa hoặc Tổ trưởng bộ môn. Trong thời gian giảng dạy, giáo viên môn học phải chủ động giúp học sinh ôn tập để sau khi kết thúc môn học có thể tổ chức kiểm tra hết môn học trước khi tổ chức thi các môn thi trong học kỳ (không bố trí thời gian nghỉ học để ôn tập kiểm tra hết môn học).

Điểm kiểm tra hết môn học phải được công bố chậm nhất là 7 ngày sau khi kiểm tra. Giáo viên môn học chịu trách nhiệm chấm trực tiếp và lập bảng điểm kiểm tra, điểm tổng kết môn học báo cáo Tổ trưởng bộ môn, Khoa và Phòng Đào tạo.

Điều 12. Phòng Đào tạo, các Khoa và các Tổ trưởng bộ môn chịu trách nhiệm phối hợp lập kế hoạch tổ chức thi các môn thi trong học kỳ, phân công cán bộ, giáo viên coi thi, hỏi thi và chấm thi.

Các đề thi, đáp án thang điểm do Tổ bộ môn chịu trách nhiệm soạn và báo cáo Trường khoa hoặc người được Hiệu trưởng uỷ quyền (nếu không có tổ chức khoa) xét duyệt. Nội dung thi là các kiến thức cơ bản của môn học trong học kỳ.

Điều 13. Kế hoạch thi cho từng học kỳ phải được bố trí từ trước trong chương trình giáo dục. Thời gian thi đối với mỗi môn học theo quy định sau:

1. Thi viết: từ 90 phút đến 150 phút.
2. Thi vấn đáp: học sinh chuẩn bị không quá 30 phút. Mỗi học sinh có thể được rút phiếu thi tối đa hai lần, nhưng nếu học sinh đã rút phiếu thi lần thứ hai thì kết quả thi bị trừ 1 điểm và học sinh chỉ được lấy phiếu thi thứ hai làm đề thi.
3. Thi thực hành: Trường khoa hoặc người được Hiệu trưởng uỷ quyền, quyết định nội dung, hình thức và thời gian thi cụ thể cho từng môn thi thực hành trên cơ sở đề nghị của Tổ trưởng bộ môn.

Điều 14. Chấm thi viết phải do hai giáo viên thực hiện theo qui trình chấm 2 lần độc lập, sau đó hai giáo viên thống nhất kết quả chấm.

Chấm thi vấn đáp và chấm thi thực hành phải đảm bảo có hai giáo viên trực tiếp đánh giá đối với mỗi học sinh. Điểm thi do hai giáo viên thống nhất quyết định.